

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh

#### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh họp ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 01/CV-NGOCTHANH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Công ty TNHH Lương thực Ngọc Thanh về việc giải trình, chỉnh sửa và đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

*Handwritten signature*



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh (sau đây viết tắt là Dự án) của Công ty TNHH Lương thực Ngọc Thanh (sau đây viết tắt là Chủ dự án) thực hiện tại tổ 03, ấp Cây Gòn, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải và hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận và phải hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động. Đối với hạng mục kênh nội bộ đấu nối vào kênh Tám Ngàn, chủ dự án chỉ thực hiện sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan quản lý đường thủy và phải thỏa thuận với chính quyền địa phương có giải pháp đảm bảo an toàn giao thông đối với tuyến đường giao thông nông thôn cấp kênh Tám Ngàn hiện hữu (theo khoản 3 Điều 1 Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh An Giang); sau khi hoàn thành việc chấp thuận đấu nối, chủ dự án có văn bản báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trường hợp có thay đổi Chủ dự án, Chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *vuhs*

### Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, NN&PTNT, XD, KH&CN;
- Ban Giám đốc;
- UBND huyện Tri Tôn;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Phòng TNMT huyện Tri Tôn;
- UBND xã Lương An Trà;
- Trung tâm Công nghệ thông tin TNMT (công khai kết quả giải quyết TTHC);
- Chi cục BVMT, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, Phú. *vu*

GIÁM ĐỐC



*Như*  
**Nguyễn Việt Trí**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh**  
(Kèm theo Quyết định số .A.Q.G./QĐ-STNMT ngày 16/02/2022  
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

**1. Thông tin về dự án**

- Tên dự án: Nhà máy chế biến Lương thực Ngọc Thanh.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Lương thực Ngọc Thanh.
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 03, ấp Cây Gòn, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tổ 03, ấp Cây Gòn, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
- Loại hình dự án: Cơ sở sản xuất, chế biến nông sản.

**1.1. Phạm vi, quy mô, công suất Dự án:**

- Phạm vi dự án được xác định theo tọa độ các điểm giới hạn của Dự án như sau:

Điểm giới hạn	Tọa độ (VN-2000)		Điểm giới hạn	Tọa độ (VN-2000)	
	X	Y		Y	Y
A	513840	1147557	E	513648	1147838
B	513932	1147717	F	513677	1147884
C	513833	1147783	G	513645	1147904
D	513797	1147748	H	513541	1147744

- Quy mô: Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 47.986 m<sup>2</sup>, trong đó bố trí các hạng mục công trình, gồm:

1) Các hạng mục công trình chính: Khu lò sấy diện tích 2.736 m<sup>2</sup>, khu xay xát lúa diện tích 3.800 m<sup>2</sup>, kho chứa lúa giống diện tích 889 m<sup>2</sup>, kho chứa gạo diện tích 1.778 m<sup>2</sup>, kho chứa lúa diện tích 684 m<sup>2</sup>, kho chứa trấu diện tích 1.778 m<sup>2</sup>.

2) Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà làm việc diện tích 144 m<sup>2</sup>, cửa hàng + kho vật tư nông nghiệp diện tích 52 m<sup>2</sup>, nhà ở nhân viên diện tích 175 m<sup>2</sup>, nhà xe nhân viên + nhà vệ sinh diện tích 254 m<sup>2</sup>, bể cấp nước lò hơi diện tích 529 m<sup>2</sup>, bể nước ngầm PCCC diện tích 390 m<sup>2</sup>, trạm cấp nước diện tích 240 m<sup>2</sup>, đất mặt nước (kênh nội bộ) diện tích 6.277 m<sup>2</sup>, đất giao thông, sân bãi diện tích 19.213 m<sup>2</sup>, đất cây xanh diện tích 8.197 m<sup>2</sup>.



3) Các công trình bảo vệ môi trường: Khu vực xử lý nước thải diện tích 60 m<sup>2</sup>, khu vực xử lý khí thải lò hơi diện tích 40 m<sup>2</sup>, khu chứa tro diện tích 850 m<sup>2</sup>, khu vực chứa chất thải rắn thông thường (tạp chất) diện tích 150 m<sup>2</sup>, khu vực lưu giữ chất thải rắn phế liệu diện tích 50 m<sup>2</sup>, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 4 m<sup>2</sup>.

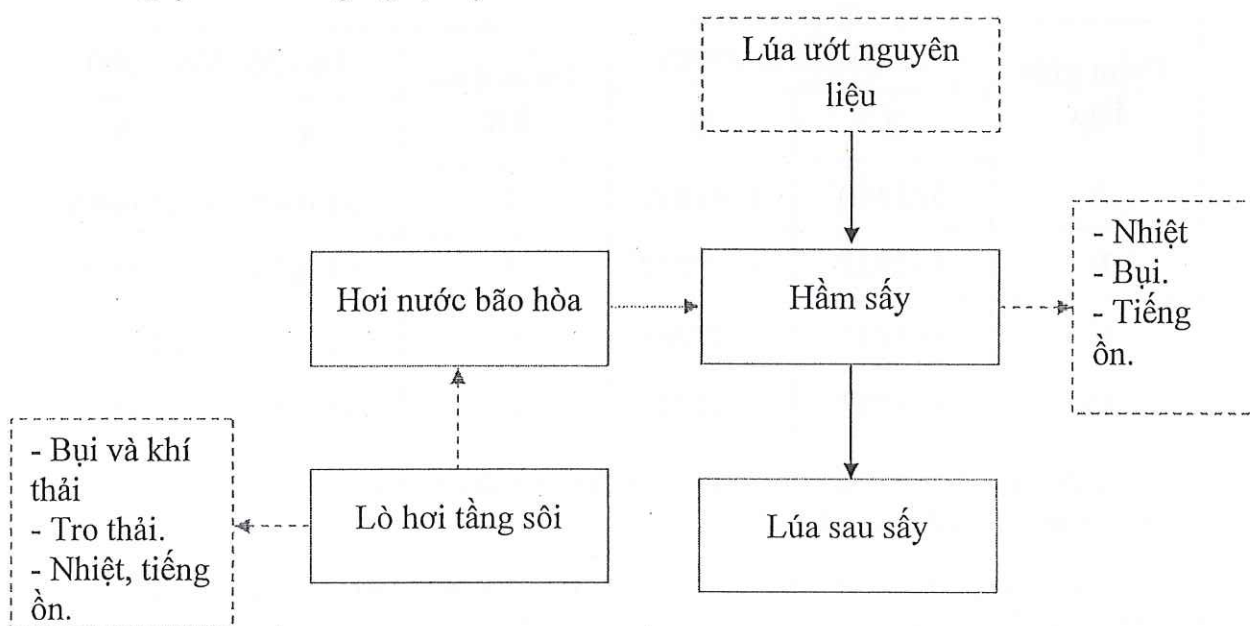
- Công suất sản xuất thiết kế của dự án 90.000 tấn sản phẩm/năm (Trong đó, gạo thành phẩm (sau lau bóng) 32.400 tấn/năm, gạo thành phẩm (sau xát trắng) 12.960 tấn/năm, lúa giống 4.320 tấn/năm, tấm (3-5%) 3.960 tấn/năm, cám và cám to 17.352 tấn/năm và trấu 19.008 tấn/năm).

- Tổng vốn đầu tư: 128.900.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, chín trăm triệu đồng*).

## 1.2. Công nghệ vận hành của Dự án:

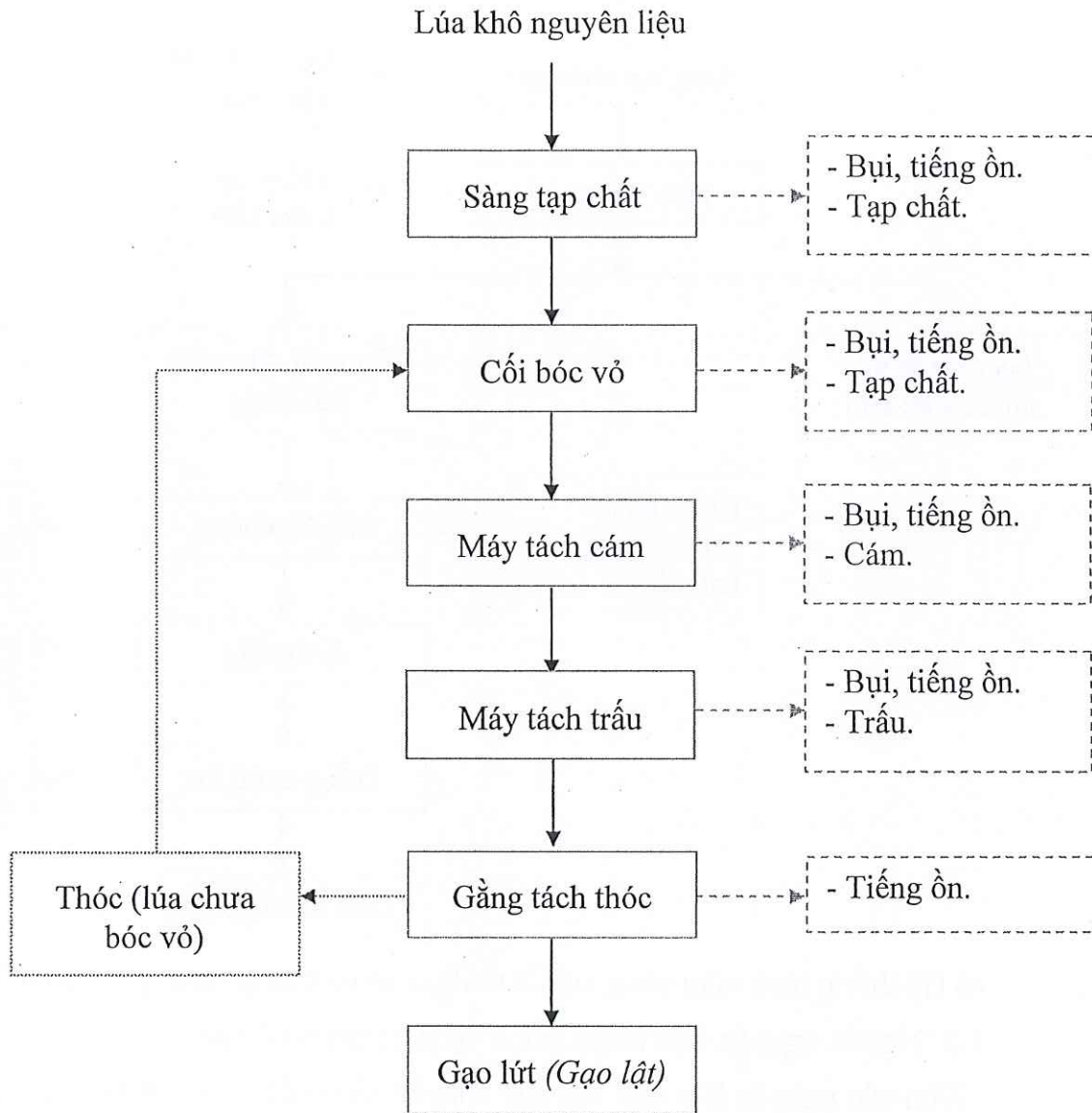
1) Hệ thống sấy lúa: Dây chuyền sấy lúa lò hơi (nồi hơi) đốt trấu rời tầng sôi 3.000 kg/giờ và 12 hầm sấy, công suất thiết kế tối đa 40 tấn/hầm/ngày (kích thước 01 hầm sấy: 12,0m × 12,0m = 144m<sup>2</sup>).

Quy trình công nghệ sấy lúa như sau:



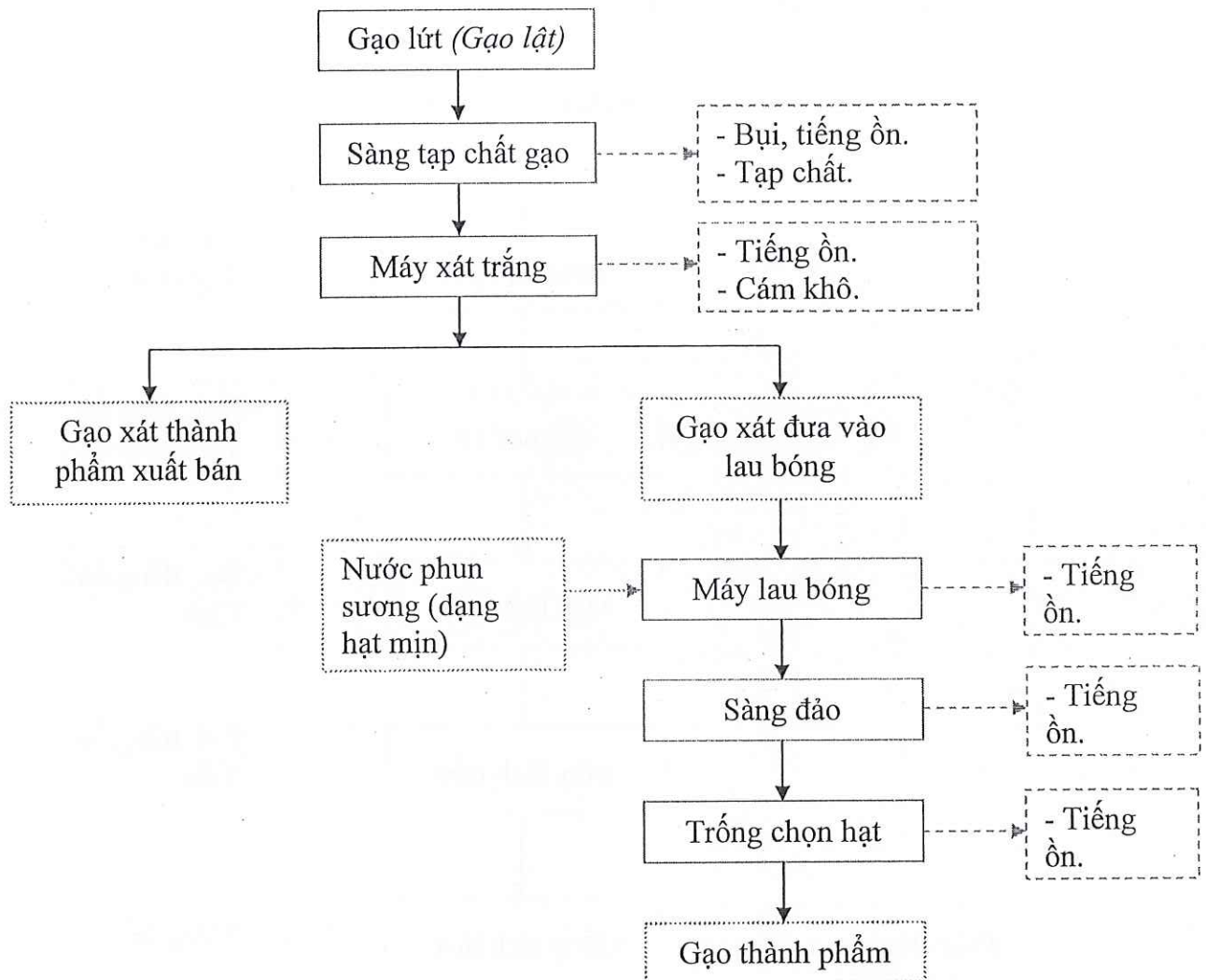
2) Hệ thống xay xát (bóc vỏ lúa): Dây chuyền bóc vỏ lúa với công suất thiết kế tối đa 24 tấn/giờ (01 dây chuyền).

Quy trình công nghệ bóc vỏ lúa:



đánh

3) Hệ thống xay trắng – lau bóng: Dây chuyền xay trắng công suất thiết kế 16 tấn/giờ và lau bóng công suất thiết kế 10 tấn/giờ. Quy trình công nghệ xay trắng – lau bóng như sau:



4) Hệ thống tách màu công suất 8 tấn/giờ và hệ thống đóng gói 30 tấn/giờ.

1.3. Nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất tại dự án:

- Nhu cầu nguyên liệu cho các dây chuyền sản xuất: 108.000 tấn lúa ướt/năm cho hoạt động sấy lúa; 86.400 tấn lúa khô/năm cho hoạt động xay xát; 57.600 tấn gạo lứt/năm cho hoạt động xay trắng; 36.000 tấn gạo trắng sau xay/năm cho hoạt động lau bóng (số ngày sản xuất 225 ngày/năm).

- Lượng vỏ trấu cần thiết cấp cho lò hơi: 9,6 tấn vỏ trấu/ngày.

- Lắp đặt trạm biến áp công suất 750 KVA.

- Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt 2,35 m<sup>3</sup>/ngày, hoạt động lò hơi 48 m<sup>3</sup>/ngày, xử lý khí thải lò hơi 3 m<sup>3</sup>/ngày và hoạt động lau bóng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất sử dụng: xử lý nước thải có sử dụng hóa chất Clorine 1 kg/tháng; hoạt động xử lý nước cấp sử dụng hóa chất PAC khối lượng 20 kg/tháng, Polymer khối lượng 1 kg/tháng, Clorine khối lượng 2 kg/tháng.

*Handwritten signature*



## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

#### \* Giai đoạn thi công

- Bụi, khí thải: Từ các phương tiện vận chuyển, từ hoạt động thi công, khí thải từ quá trình hàn các chi tiết kim loại.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng và nước thải san lấp mặt bằng.

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, tai nạn lao động và tai nạn giao thông.

#### \* Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải: Phát sinh trong quá trình sản xuất (sấy lúa, xay xát, lau bóng), từ các phương tiện vận chuyển, từ hoạt động của lò hơi.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất.

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, nhiệt.

- Nguồn tác động do sự cố rủi ro.

### 2.2. Quy mô, tính chất của khí thải, bụi:

#### \* Giai đoạn thi công

Phát sinh do hoạt động tập kết nguyên vật liệu, đào đất đắp đê, máy móc thiết bị thi công và hoạt động hàn. Thành phần chủ yếu gồm: bụi đất, bụi cát, bụi xi măng, khói que hàn, bụi (TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, hydrocacbon,...

#### \* Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm và đi lại của công nhân. Thành phần chủ yếu là CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, hydrocacbon, hơi xăng dầu.

- Bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất: Phát sinh chủ yếu từ công đoạn nhập nguyên liệu; công đoạn sấy lúa; công đoạn xay xát (bóc vỏ lúa); công đoạn xát trắng – lau bóng; khu vực chứa trấu và chứa tro. Thành phần chủ yếu là bụi đất, bụi lúa và bụi cám.

- Khí thải từ hoạt động của lò hơi: Phát sinh từ công đoạn đốt trấu đun lò hơi sinh ra khí thải. Lưu lượng khí thải 5.540 m<sup>3</sup>/giờ, thành phần chủ yếu là bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

Handwritten mark

### 2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

#### \* Giai đoạn thi công

- Nước mưa chảy tràn: Lượng phát sinh tại khu vực dự án khoảng 518 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng khoảng 0,4 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), chất dinh dưỡng (nitơ, photpho) và vi sinh (coliform, e.coli).

- Nước thải từ quá trình san lấp mặt bằng: lưu lượng khoảng 926 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm chính chủ yếu gồm các chất lơ lửng.

- Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, phương tiện thi công khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất vô cơ, BOD<sub>5</sub>, COD,...

#### \* Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Lượng phát sinh tại khu vực dự án khoảng 777 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 2,35 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), chất dinh dưỡng (nitơ, photpho) và vi sinh (coliform, e.coli).

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi; Nước thải súc rửa thiết bị lọc của hệ thống xử lý nước cấp. Lưu lượng khoảng 5,5 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: ô nhiễm bởi chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub> và COD) và các vi sinh vật (Coliform).

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

#### \* Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thực phẩm dư thừa, vỏ đồ hộp, vỏ lon, bao bì, chai nhựa, thủy tinh,...

- Chất thải rắn xây dựng: Thành phần chủ yếu là gạch vụn, cát, đá, xi măng rơi vãi, bao đựng xi măng, ... khoảng 20 kg/ngày.

#### \* Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao nylon, chai nhựa,...

serk



- Chất thải rắn sản xuất:

+ Trấu: Phát sinh từ hoạt động xay xát khoảng 84,48 tấn/ngày, trong đó sử dụng khoảng 9,6 tấn/ngày làm nguyên liệu đốt lò hơi, còn lại khoảng 74,88 tấn/ngày.

+ Tro trấu: Phát sinh từ hoạt động đốt trấu đun lò hơi sấy lúa khoảng 1,44 tấn/ngày.

+ Các tạp chất: Phát sinh từ hoạt động sản xuất bao gồm đất, đá, rơm rạ, bao bì, dây buộc hư hỏng,... khoảng 3,84 tấn/ngày.

+ Sắt thép hư hỏng: Phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khoảng 20 – 30 kg/tháng.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Lượng phát sinh khoảng 2 kg/ngày.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi khối lượng 14,4 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công: Lượng phát sinh khoảng 51,5 kg/tháng trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ, dầu nhớt thải và bóng đèn huỳnh quang hư, đuôi que hàn thải.

- Giai đoạn vận hành: Lượng phát sinh khoảng 43 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau và bao tay nhiễm dầu nhớt, hộp mực in thải.

2.6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, rung

\* Giai đoạn thi công: Phát sinh chủ yếu do máy móc thiết bị thi công cơ giới, hoạt động chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng.

\* Giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh do vận hành máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất dẫn đến mức độ phát sinh khác nhau.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về xử lý khí thải, bụi:

\* Giai đoạn thi công

- Bố trí chuyên chở vật liệu đúng tải trọng, sử dụng bạt che phủ toàn bộ vật liệu trên tuyến đường vận chuyển.

- Sử dụng thiết bị tưới ẩm vừa đủ (phun nước dạng hạt mịn) khu vực thi công tần suất 04 lần/ngày để giảm thiểu bụi phát tán khi thi công.

- Tất cả các phương tiện vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định.

- Trang bị và yêu cầu công nhân phải đeo khẩu trang, mặt nạ trong lúc làm việc.

\* Giai đoạn vận hành:



- Về bụi tại công đoạn nhập nguyên liệu và công đoạn lấy lúa khô ra sau khi sấy: lắp đặt đồng bộ 02 hệ thống lọc bụi túi vải (Số túi vải: 12 túi lọc/bộ) để xử lý lượng bụi phát sinh, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B). Quy trình vận hành: Bụi → Chụp hút → Đường ống dẫn kín → Quạt hút → Lọc bụi túi vải → Ống thải → Nguồn tiếp nhận (02 ống xả khí thải đường ống Ø500mm).

- Về bụi tại công đoạn xay xát (bóc vỏ lúa): lắp đặt đồng bộ hệ thống 04 bộ Cyclone và 01 bộ lọc bụi túi vải (Cyclone đường kính Ø2.000mm, chiều cao H = 3,6m; Lọc bụi túi vải: 16 túi lọc) để xử lý lượng bụi phát sinh, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B). Quy trình vận hành: Bụi → Chụp hút → Đường ống dẫn kín → Quạt hút → Cụm 04 Cyclone → Lọc bụi túi vải → Ống thải → Nguồn tiếp nhận (01 ống xả khí thải, đường ống Ø500mm).

- Về bụi tại công đoạn xát trắng – lau bóng: lắp đặt đồng bộ hệ thống 12 bộ Cyclone (Cyclone đường kính Ø2.000mm, chiều cao H = 3,6m. Quạt hút: Lưu lượng tối đa 20.000 m<sup>3</sup>/giờ) để xử lý lượng bụi phát sinh, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B). Quy trình vận hành: Bụi → Chụp hút → Đường ống dẫn kín → Quạt hút → Cụm 12 Cyclone → Ống thải → Nguồn tiếp nhận (01 ống xả khí thải, đường ống Ø500mm).

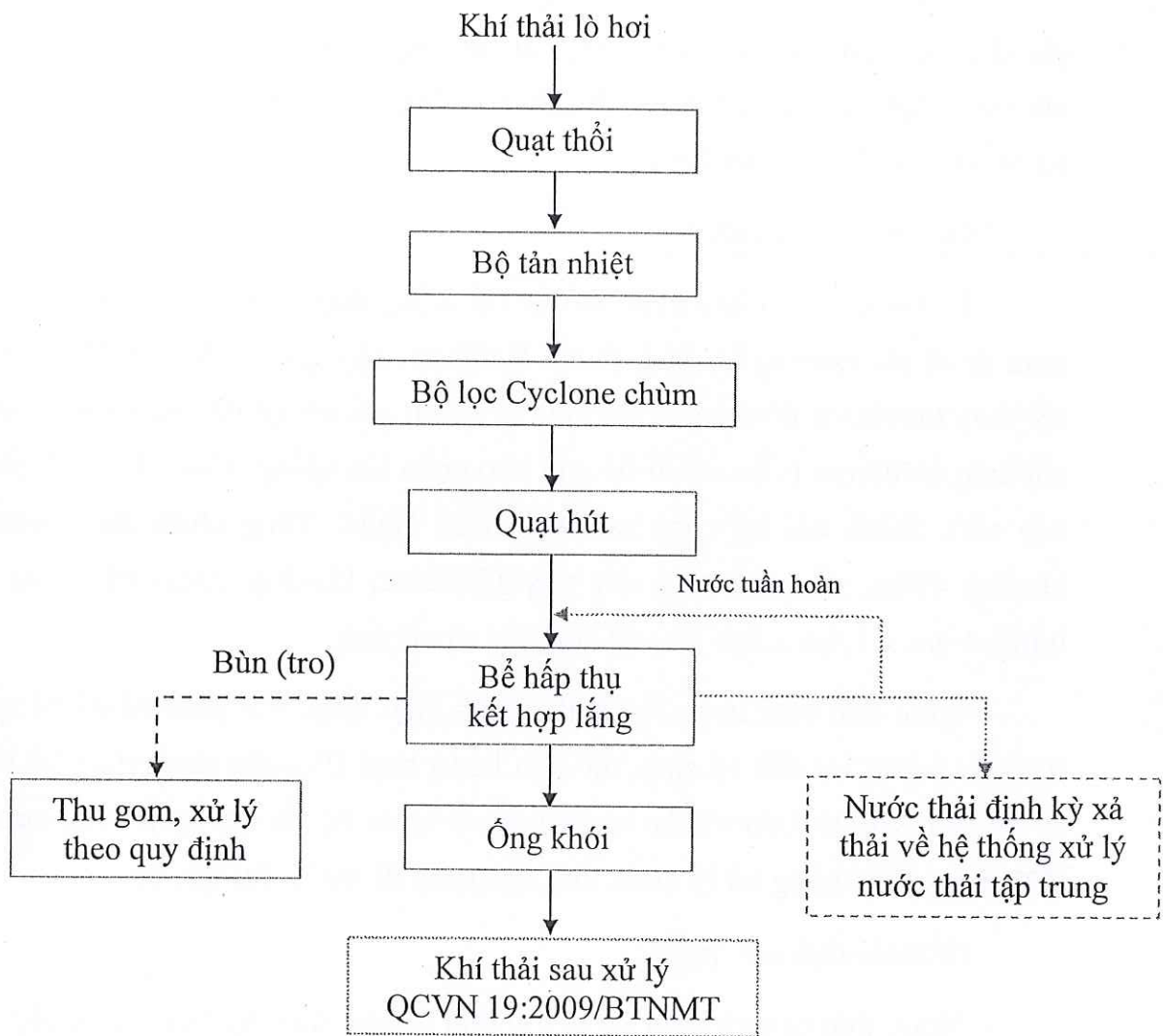
- Bụi tại khu vực chứa trấu: Xây dựng kho chứa trấu diện tích 1.778 m<sup>2</sup> (kết cấu: Nền bê tông cốt thép, khung thép tiền chế, vách gạch + tole, mái tole), thiết kế kín hoàn toàn với mái che và vách ngăn để ngăn cách không cho bụi trấu bay ra môi trường xung quanh.

- Bụi phát sinh do hoạt động chuyển tro chứa trong bao về Khu chứa tro: Khu chứa tro diện tích 850 m<sup>2</sup> được thiết kế xây dựng với kết cấu nền tráng xi măng, vách tole cao lên đến mái tole, mái bao che bằng tole kín, đảm bảo kín và hạn chế đến mức thấp nhất gió lùa vào Bãi chứa để phát tán bụi trấu và bụi tro.

- Về khí thải lò hơi (nồi hơi): lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công suất xử lý tối đa 7.500 m<sup>3</sup>/giờ (hệ số an toàn k = 1,35), 01 ống xả khí thải đường ống Ø500mm đồng bộ với lò hơi công suất 3.000 kg hơi/giờ để xử lý đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).



Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi:



### 3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

#### \* Giai đoạn thi công

- Nước mưa chảy tràn: đào các rãnh thoát nước xung quanh để thu gom về hồ lắng (số lượng 02 hồ, kích thước 5,0m×4,0m×2,0m) để thoát nước mưa vào Kênh nội bộ rồi chảy ra Kênh Tám Ngàn.

- Nước thải sinh hoạt: Trang bị nhà vệ sinh di động có bể tự hoại với thể tích 0,9 m<sup>3</sup> (kích thước 1,8m × 1,35m × 0,4m), thời gian tối thiểu 06 tháng hợp đồng với đơn vị chức năng hút cặn bùn nhà vệ sinh. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) và thoát vào Kênh nội bộ rồi chảy ra Kênh Tám Ngàn.

- Về nước thải xây dựng: nền tráng xi măng, tạo độ dốc thu gom nước vệ sinh dẫn vào hồ lắng (thể tích 3m<sup>3</sup>, kích thước: 2m x 1m x 1,5m; cấu tạo: nền cát đầm chặt, lót cao su chống thấm) đảm bảo khả năng lưu chứa và lắng lượng nước vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Lớp nước lắng trong phía trên trong hồ lắng sau thời gian lắng được tận dụng để làm ẩm công trình để giảm thiểu bụi phát sinh, không xả thải ra môi trường.



كس

- Về nước thải từ quá trình san lấp mặt bằng: Bố trí hố lắng cát ( $5,0m \times 4,0m \times 2,0m = 40 m^3$ ; số lượng 02 hố) để tiêu thoát nước trong hỗn hợp cát khi bơm lên công trình và lắng cặn lơ lửng trong nước thải. Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) và thoát vào Kênh nội bộ rồi chảy ra Kênh Tám Ngàn.

\* Giai đoạn vận hành:

- Về nước mưa chảy tràn: Bố trí hệ thống ống PVC Ø114 thu gom nước mưa từ sân, mương hở kích thước B400mm xây gạch, hố ga và ống bê tông cốt thép Ø400mm để thoát nước mưa ra Kênh nội bộ tại 02 cửa xả ống bê tông cốt thép Ø400mm (Cửa xả số 01 gần kho chứa lúa giống; Cửa xả số 02 gần khu xay xát), Kênh nội bộ chảy ra Kênh Tám Ngàn. Tổng chiều dài mương hở khoảng 400m, cống bê tông cốt thép Ø400mm khoảng 100m và hố ga (kích thước  $1,4m \times 1,4m \times 0,6-1m$ ) để lắng cát và vệ sinh.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn bố trí tại nhà vệ sinh, thể tích bể tự hoại 03 ngăn được thiết kế là  $13,8 m^3$  (kích thước là  $3,6m \times 2,4m \times 1,6m$ ) để xử lý sơ bộ rồi thu gom bằng ống PVC Ø27 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn.

- Về nước thải sản xuất:

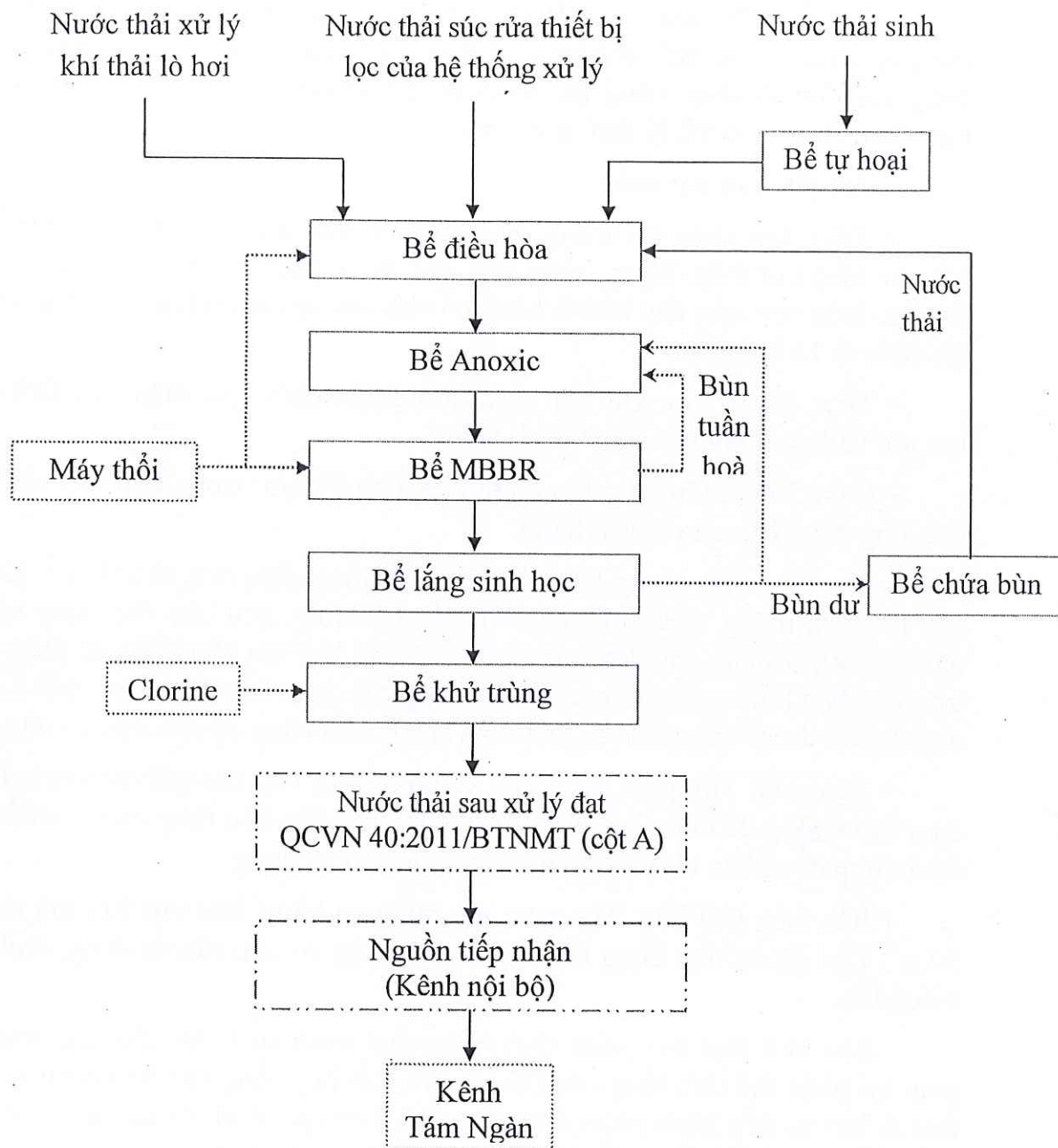
+ Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: định kỳ thay nước hấp thụ là 07 ngày/lần, khối lượng  $3 m^3$ /lần thay được thu gom bằng đường ống uPVC Ø60mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải súc rửa thiết bị lọc của hệ thống xử lý nước cấp: sử dụng nước sạch (không sử dụng hóa chất) để súc rửa định kỳ thiết bị lọc tại hệ thống xử lý nước cấp (định kỳ 02 ngày/lần, khối lượng nước sử dụng là  $2,5 m^3$ ), nước thải sau khi súc rửa thiết bị được thu gom bằng ống uPVC Ø60mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất  $10 m^3$ /ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), xả thải ra Kênh nội bộ rồi chảy ra Kênh Tám Ngàn bằng đường ống uPVC Ø60mm.



Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải như sau:



### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

\* Giai đoạn thi công

- Về rác thải sinh hoạt: Bố trí 01 thùng chứa rác dung tích 60 lít, có nắp đậy (hạn chế phát sinh mùi hôi), đặt tại khu vực lán trại. Đồng thời, hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương đến thu gom định kỳ 02 ngày/lần, chuyển đi xử lý theo quy định.

- Về chất thải rắn xây dựng: Bố trí công thu phân loại, thu gom tập trung vào mỗi buổi chiều khi hết thời gian làm việc và bố trí khu vực (diện tích 10 m<sup>2</sup>, có mái che và dùng vách xung quanh đảm bảo phế liệu không hư hỏng hay phân hủy gây ảnh hưởng môi trường trong quá trình lưu giữ) lưu giữ tạm thời tại khu vực cạnh lán trại để khi kết thúc quá trình thi công sẽ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

\* Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 06 thùng chứa rác sinh hoạt loại 60 lít để thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt và được tập trung ra trước cổng dự án để hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom tại địa phương đến thu gom định kỳ 02 ngày/lần, chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Trấu: lưu chứa tập trung tại kho chứa trấu diện tích 1.778 m<sup>2</sup> (kết cấu: Nền bê tông cốt thép, khung thép tiền chế, vách gạch + tole, mái tole). Chủ dự án thực hiện bán trấu cho khách hàng có nhu cầu sử dụng theo thời gian định kỳ tối thiểu là 15 ngày/lần.

+ Tầm: Bố trí khu vực lưu chứa trong kho chứa gạo diện tích 684 m<sup>2</sup>, để lưu giữ và hợp đồng bán cho khách hàng.

+ Cám: Bố trí khu vực lưu chứa diện tích 200 m<sup>2</sup> trong khu xay xát để lưu giữ, hợp đồng bán cho khách hàng.

+ Tro trấu: Xây dựng khu chứa tro với tổng diện tích là 850 m<sup>2</sup>. Kết cấu: nền tráng xi măng, vách tole cao lên đến mái tole, mái bao che bằng tole kín, đảm bảo kín và hạn chế đến mức thấp nhất gió lùa vào khu chứa để phát tán bụi tro, đảm bảo không để nước mưa tiếp xúc trực tiếp kéo theo chất ô nhiễm; định kỳ tối đa 03 tháng/lần sẽ xuất bán cho khách hàng có nhu cầu sử dụng.

+ Tạp chất: Thu gom tập trung và bố trí khu vực lưu giữ diện tích 150 m<sup>2</sup>, đảm bảo không để nước mưa tiếp xúc trực tiếp kéo theo chất ô nhiễm. Chủ dự án hợp đồng bán cho khách hàng có nhu cầu sử dụng.

+ Sắt, thép phế liệu: Thu gom tập trung và bố trí khu vực lưu giữ diện tích 50 m<sup>2</sup>. Chủ dự án hợp đồng bán cho khách hàng có nhu cầu sử dụng, định kỳ 06 tháng/lần.

- *Bùn thải (bụi tro) phát sinh trong quá trình xử lý khí thải tập trung*: thu gom tại phần thể tích lắng của Bể hấp thụ kết hợp lắng của hệ thống xử lý khí thải lò hơi và tiến hành phân định bùn thải theo quy định để xác định có phải là chất thải nguy hại không để thực hiện xử lý theo quy định.

- *Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*: thu gom để ổn định tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung và tiến hành phân định bùn thải theo quy định để xác định có phải là chất thải nguy hại không để thực hiện xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

\* Giai đoạn thi công:

Chất thải nguy hại được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 2 m<sup>2</sup>. Bên trong bố trí 02 thùng chứa rác dung tích 30 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.



\* Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4 m<sup>2</sup>. Bên trong bố trí 03 thùng chứa rác có nắp đậy loại 60 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại, đồng thời hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.

### 3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

#### \* Giai đoạn thi công

- Lập kế hoạch và tiến độ thi công đảm bảo đảm bảo thời gian nghỉ ngơi cho công nhân và hạn chế được ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn.

- Kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện thi công, nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Điều tiết máy móc thi công hợp lý, tránh tập trung gây ra độ ồn cộng hưởng.

- Các phương tiện vận chuyên phải đảm bảo hoạt động đúng công suất, vận chuyên đúng trọng tải quy định.

- Tiến hành bôi trơn và thay thế các thiết bị hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Các máy móc thi công đảm bảo được cân chỉnh, cố định đế móng trước khi thi công nhằm hạn chế phát sinh độ rung lớn.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành các máy móc phương tiện phát sinh độ ồn cao.

#### \* Giai đoạn vận hành:

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất. Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Cố định chân đế móng và sử dụng đệm chống rung cho các máy móc, thiết bị để giảm thiểu độ rung.

- Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (*mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động*).

- Trồng cây xanh để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

- Hướng dẫn phương tiện neo đậu tại Kênh nội bộ của dự án để giảm thiểu cản trở trên Kênh Tám Ngàn trong thời gian xuất nhập hàng hóa.

- Bố trí đèn chiếu sáng tại bến neo đậu xuất nhập hàng hóa vào ban đêm.

### 3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ:

+ Thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ cho công nhân.

- + Trang bị đầy đủ phương tiện chữa cháy.
- + Thực hiện các biện pháp quản lý nhằm tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống cháy nổ.
- + Lắp đặt hệ thống chống sét trong khu vực dự án.
- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:
  - + Lập nội quy về an toàn lao động, bố trí và phân công trách nhiệm đối với mỗi người lao động.
  - + Nâng cao ý thức bảo vệ mình cho công nhân trong quá trình làm việc.
  - + Trang bị đầy đủ khẩu trang và bảo hộ lao động cần thiết khác cho công nhân.
  - Sự cố lò hơi:
    - + Kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng và kiểm định của cơ quan chức năng.
    - + Hàng ngày trước và sau khi vận hành lò hơi, phải bố trí công nhân kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc gồm: mực nước trong bồn chứa nước cấp cho lò hơi, các van an toàn, van khí, van điện từ cấp nước vào lò hơi đã đóng – mở đúng kỹ thuật, hệ thống điện động lực điều khiển.
    - Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải:
      - + Bố trí công nhân và cán bộ kỹ thuật chuyên môn trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.
      - + Thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống xử lý để có biện pháp kịp thời khi xảy ra sự cố. Khi phát hiện hệ thống có dấu hiệu bất thường phải nhanh chóng khắc phục, sửa chữa, không để sự cố phát sinh hoặc xảy ra ở mức độ nghiêm trọng rồi mới khắc phục.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:**

- Các công trình xử lý chất thải cần phải vận hành thử nghiệm:
  - + Hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.
  - + Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ hoạt động nhập nguyên liệu và công đoạn lấy lúa khô ra sau khi sấy, xay sát, sát trắng – lau bóng.
  - + Hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi đốt trấu.
- Các công trình bảo vệ môi trường: thiết bị, dụng cụ lưu giữ và kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

##### **5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng**

##### **a) Giám sát môi trường không khí xung quanh:**

- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thi công.

*Handwritten signature*



- + Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.
- + Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*b) Giám sát nước mặt:*

- + Vị trí giám sát: Kênh Tám Ngàn tại điểm giao nhau với kênh nội bộ.
- + Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, DO, Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P), Coliforms.
- + Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A2.

*c) Giám sát nước thải san lấp:*

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống xả sau hồ lắng.
- + Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (SS), Coliforms.
- + Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

5.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành

*a) Giám sát môi trường nước thải:*

- Vị trí giám sát: 01 điểm đầu vào trước xử lý tại Bể điều hòa và 01 điểm tại hồ ga thoát nước thải sau xử lý.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), tổng dầu mỡ khoáng, Clo dư, Coliforms.

- Tần suất: 01 lần/03 tháng.

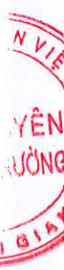
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

*b) Giám sát khí thải lò hơi:*

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại 02 ống khói thải sau xử lý.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>), HF.

- Tần suất: 01 lần/03 tháng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).



*seres*

c) *Giám sát công trình xử lý bụi tại công đoạn nhập nguyên liệu và lấy lúa khô ra sau khi sấy:*

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại 02 ống xả khí sạch sau xử lý.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.
- Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

d) *Giám sát công trình xử lý bụi tại công đoạn xay xát (bóc vỏ lúa):*

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống xả khí sạch sau xử lý.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.
- Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

e) *Giám sát công trình xử lý Bụi tại công đoạn xát trắng – lau bóng:*

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống xả khí sạch sau xử lý.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.
- Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

f) *Giám sát môi trường không khí xung quanh:*

- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại nhà dân gần nhất.
- + Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.
- + Tần suất: 01 lần/03 tháng.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

g) *Giám sát chất thải rắn:*

- Thành phần (thông số quan trắc): Chất thải rắn sinh hoạt, thông thường và chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.
- Nội dung giám sát: Tổng số lượng chất thải rắn phát sinh trong kỳ báo cáo (kg); Công tác thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý.
- Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi các quy chuẩn trên thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.



## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

### 6.1. Trong quá trình chuẩn bị, thi công dự án:

- Dự án chỉ được phép triển khai khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường và những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của dự án.

- Lập kế hoạch thi công và điều tiết giao thông, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng thuê đơn vị chức năng xử lý và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động làm việc tại dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung Báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án biết về các hoạt động thi công của dự án.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công dự án.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường thì phải dừng ngay các hoạt động và tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 6.2. Trong quá trình hoạt động:



*Handwritten signature or initials.*



- Đối với hạng mục kênh nội bộ đầu nối vào kênh Tám Ngàn, chủ dự án chỉ thực hiện sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan quản lý đường thủy và phải thỏa thuận với chính quyền địa phương có giải pháp đảm bảo an toàn giao thông đối với tuyến đường giao thông nông thôn cấp kênh Tám Ngàn hiện hữu.

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải rắn phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại dự án (hoạt động lò hơi sấy lúa, vận tải nguyên liệu, sấy lúa, xay xát, lau bóng,...); đảm bảo khí thải, bụi được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải tại dự án; đảm bảo nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh được thu gom xử lý QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Có giải pháp giảm thiểu bụi, che chắn kín nhà xưởng trong quá trình hoạt động đảm bảo không phát tán bụi, tiếng ồn, rung làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải dừng hoạt động, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện cam kết chấp hành di dời cơ sở vào khu, cụm công nghiệp khi có phản ánh về môi trường của người dân hoặc chủ trương của cơ quan có thẩm quyền và không hưởng chính sách hỗ trợ di dời.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp có tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới ban hành thay thế các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường đã được áp dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường này thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện giám sát môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. /s/